

Bản án số: 41/2025/DS-ST

Ngày: 17-7-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng.”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hoàng Việt;

2. Ông Vũ Ngọc Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 211.1/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: 108 Trần Hưng Đạo, phường C, Thành phố N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hoàng P (có mặt)

Địa chỉ: 111 – 121 Ngô Gia Tự, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền lại tham gia tố tụng số 198/UQ-CN10-P.TH ngày 13 tháng 2 năm 2025 của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh 10)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn D; sinh ngày: 31/10/1992; Số CCCD: 077092002255; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Ngày cấp: 03/01/2019. (vắng mặt)

Địa chỉ: 255 Lê Quang Định, phường R Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2025 và bản tự khai ngày 06/6/2025 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có ông Võ Hoàng P đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông Phạm Văn D đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh 10 Thành phố Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng như sau:

Theo Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021: Số tiền vay 20.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng); Mục đích vay: Hoàn lại nguồn vốn mà khách hàng mượn của người thân để nhận quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 47, Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng tàu để chuyển nhượng lại; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Lãi suất cho vay: lãi suất điều chỉnh tháng/lần (tại thời điểm nhận nợ là 8,5%/năm).

Để thực hiện hợp đồng cho Bên vay đã được giải ngân 20.000.000.000 đồng vào ngày 30/12/2021 theo Giấy nhận nợ số 01.622.2021/GNN.BL; bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại kỳ thanh toán ngày 25/10/2024 và do không khắc phục vi phạm, toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn.

Tạm tính đến ngày 06/6/2025, công nợ phát sinh theo Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021 là 15.942.774.865 đồng. Bao gồm: (i) nợ gốc: 14.499.890.000 đồng; nợ lãi: 1.442.884.865 đồng.

Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay nêu trên chưa tính các khoản lãi, phí, chi phí sau ngày tạm tính cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ.

Theo Hợp đồng cho vay số 135.BL/2023/HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023: Số tiền vay: 2.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ năm trăm triệu đồng); Mục đích vay: Thanh toán nguồn vốn mà Bên vay đã vay của bên thứ ba để nhận Quyền sở hữu căn hộ số A24-04, Chung cư Vũng Tàu Plaza, số 207 Lê Hồng Phong, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu để phục vụ đời sống; Thời hạn cho vay: 420 tháng; Lãi suất cho vay: lãi suất điều chỉnh tháng/lần (tại thời điểm nhận nợ là 9,0%/năm).

Để thực hiện Hợp đồng cho vay trên: Bên vay đã được giải ngân 2.500.000.000 đồng vào ngày 31/10/2023 theo Giấy nhận nợ số 01.2023/GNN.BL; bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại kỳ thanh toán ngày 25/10/2024 và do không khắc phục vi phạm, toàn bộ khoản vay đã chuyển quá hạn.

Tạm tính đến ngày 06/6/2025, công nợ phát sinh theo Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 là 2.615.759.684 đồng. Bao gồm: (i) nợ gốc: 2.434.440.000 đồng; (ii) nợ lãi: 181.319.684 đồng

Theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022: Công nợ phát sinh tạm tính đến ngày 06/6/2025 là: 1.134.899.874 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 942.195.921 đồng; nợ lãi: 192,703,953 đồng.

Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay và thế tín dụng nêu trên chưa tính các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh sau ngày tạm tính cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết nợ.

Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Phạm Văn D nêu trên được bảo đảm thanh toán bởi bất động sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 149.BL/2021/HĐBĐ/NHCT940 ngày 27/12/2021, số công chứng: 1946/HĐTC quyền số 01/2021.TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày 27/12/2021, theo hồ sơ số 26539.TC.211227-0077. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 47, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện thuộc sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 017090, số vào sổ cấp GCN: CS-06243 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23/12/2021.

Mặc dù Ngân hàng TMCP V đã nhiều lần có yêu cầu trả nợ, xử lý tài sản thế chấp nhưng Ông Phạm Văn D không thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng, do đó Ngân hàng thực hiện quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên buộc những vấn đề sau đây:

Tuyên buộc Ông Phạm Văn D phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ theo các hợp đồng sau:

Tạm tính đến ngày 06/6/2025, công nợ phát sinh theo Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021 là 15.942.774.865 đồng. Bao gồm: (i) nợ gốc: 14.499.890.000 đồng; nợ lãi: 1.442.884.865 đồng.

Tạm tính đến ngày 06/6/2025, công nợ phát sinh theo Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 là 2.615.759.684 đồng. Bao gồm: (i) nợ gốc: 2.434.440.000 đồng; (ii) nợ lãi: 181.319.684 đồng

Theo Giấy đề nghị phát hành thế tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022: Công nợ phát sinh tạm tính đến ngày 06/6/2025 là: 1.134.899.874 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 942.195.921 đồng; nợ lãi: 192,703,953 đồng

Các khoản lãi, phí, chi phí phát sinh sau ngày tạm tính nêu trên, cho đến khi Ngân hàng TMCP V thu hồi hết nợ, theo lãi suất đã thỏa thuận, quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng, giấy nhận nợ.

Ngay khi ông Phạm Văn D không trả được đầy đủ số tiền trên, Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu tổ chức, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật, bao gồm: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 47, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện thuộc sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 017090, số vào sổ cấp GCN: CS-06243 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23/12/2021.

Bị đơn ông Phạm Văn D vắng mặt trong suốt quá trình tòa thụ lý và giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP V đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ hợp đồng vay và hợp đồng thế chấp được ký kết đúng theo quy định pháp luật nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021, Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022 cũng như việc các bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu các bị đơn hoàn trả số tiền còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh 10 có đơn xin lựa chọn thẩm quyền giải quyết vụ án ngày 13 tháng 02 năm 2025, chọn Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân Quận 10 cũ) là nơi giải quyết, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Tòa án nhân dân Quận 10 cũ).

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Xét Xét Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số doanh nghiệp 0100111948, đăng ký lần đầu ngày 03/7/2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/01/2024 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp có cơ sở xác định ông Trần Bình Minh là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Xét Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 0100111948-059 đăng ký lần đầu ngày

19/8/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 24/6/2020 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định ông Trương Minh Tiến là người đứng đầu của chi nhánh. Xét Ngân hàng TMCP V có Văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024, văn bản ủy quyền lại số 198/UQ-CN10-P.TH ngày 13/02/2025 là hợp lệ nên ông Võ Hoàng P có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3.2] Xét bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng giấy triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng, từ bỏ quyền lợi hợp pháp của mình. Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt do vậy Tòa căn cứ vào chứng cứ và lời khai của nguyên đơn để giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét hình thức và nội dung của hợp đồng tín dụng: Căn cứ Điều 51 Luật Tổ chức tín dụng quy định “Việc cho vay phải được lập thành hợp đồng tín dụng. Hợp đồng tín dụng phải có nội dung về điều kiện vay, mục đích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và những cam kết khác được các bên thỏa thuận”. Xét các Hợp đồng cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021, Hợp đồng cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022 đảm bảo đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[5.1] Như phân tích tại phần [4] do hợp đồng cho vay phát sinh hiệu lực pháp luật và căn cứ vào các giấy nhận nợ số 01622.2021/GNN.BL ngày 30/12/2021 và giấy nhận nợ số 01.2023/GNN.BL ngày 31/10/2023 có chữ ký và chữ viết của bên vay là ông Phạm Văn D có cơ sở xác định bên vay đã nhận đủ tiền vay theo hợp đồng.

[5.2] Căn cứ vào các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; bảng kê tính lãi tính đến ngày 06/6/2025 và ngày 17/7/2025; Thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo đòi nợ, Giấy báo nợ quá hạn của Ngân hàng, tại phiên tòa xác nhận bị đơn vẫn chưa hoàn trả nợ gốc theo hợp đồng vay. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử phân tích như sau:

[6.1] Theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng quy định: “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân

hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng tiền đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, nên Ngân hàng là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật.

[6.2] Căn cứ vào khoản 1.5 Điều 1 của Hợp đồng cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021, Hợp đồng cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 và mục 4 Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022 quy định về thời hạn cho vay thì thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên.

[6.3] Căn cứ vào Điều 2 của Hợp đồng cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021, Hợp đồng cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023; Giấy nhận nợ số 01.662.2021/GNN.BL ngày 30/12/2021 và số 01.2023/GNN.BL ngày 31/10/2023 về việc điều chỉnh lãi suất các hợp đồng cho vay của bị đơn tại ngân hàng, có cơ sở xác định ngân hàng đã thực hiện thông báo điều chỉnh lãi theo đúng quy định. Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn của hợp đồng nêu trên.

[6.4] Căn cứ Hợp đồng cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021, Hợp đồng cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023, nội dung thỏa thuận của hai bên về lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất trong hạn là phù hợp nên được chấp nhận. Như phân tích tại phần [5] bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có cơ sở xem xét yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán các khoản tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng. Cụ thể: ông Phạm Văn D thanh toán toàn bộ số tiền nợ đối với các Hợp đồng và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng tạm tính đến ngày xét xử là 20.190.943.181 đồng, cụ thể:

Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021 là 16.181.987.973 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 14.499.890.000 đồng; nợ lãi: 1.682.097.973 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi ông Phạm Văn D thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021.

Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 là 2.646.154.365 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 2.434.440.000 đồng; nợ lãi: 211.714.365 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi ông Phạm Văn D thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022 là: 1.152.498.382 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 942.195.921 đồng; (ii) nợ lãi: 210.302.461 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi ông Phạm Văn D thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022.

[7] Đối với yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ Điều 4 Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 và đăng ký giao dịch đảm bảo. Căn cứ Hợp đồng thế chấp bất động sản số 149.BL/2021/HĐBĐ/NHCT940 ngày 27/12/2021 do ông Phạm Văn D làm chủ sở hữu và được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định.

Như vậy, đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thoả thuận. Do đó, trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ bị đơn chịu theo quy định pháp luật.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

[1] Buộc ông Phạm Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền 20.190.943.181 đồng theo các Hợp đồng:

Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021 là 16.181.987.973 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 14.499.890.000 đồng; nợ lãi: 1.682.097.973 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi ông Phạm Văn D thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng Cho vay số 149.BL/2021-HĐCV/NHCT940 ngày 27/12/2021.

Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023 là 2.646.154.365 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 2.434.440.000 đồng; nợ lãi: 211.714.365 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi ông Phạm Văn D thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng Cho vay số 135.BL/2023-HĐCV/NHCT940 ngày 30/10/2023.

Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022 là: 1.152.498.382 đồng. Bao gồm: nợ gốc: 942.195.921 đồng; (ii) nợ lãi: 210.302.461 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 18/7/2025 cho đến khi ông Phạm Văn D thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/11/2022.

[2] Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[3] Trong trường hợp ông Phạm Văn D vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ bao gồm: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 47, tờ bản đồ số 47, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện thuộc sở hữu hợp pháp của ông Phạm Văn D theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 017090, số vào sổ cấp GCN: CS-06243 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23/12/2021.

[4] Trường hợp ông Phạm Văn D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có trách nhiệm hoàn trả lại bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 017090, số vào sổ cấp GCN: CS-06243 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 23/12/2021.

[5] Ông Phạm Văn D hoàn trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền xem xét thẩm định tại chỗ là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Ông Phạm Văn D chịu 128.190.943 (một trăm hai mươi tám triệu một trăm chín nghìn chín trăm bốn mươi ba) đồng.

[6.2] Hoàn lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 63.427.416 (sáu mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mười sáu) đồng, theo biên lai thu tiền số 0075425 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 4, TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhân